

CHỦ BIÊN

GS. TS. Nguyễn Đông Phong

GS. TS. Võ Xuân Vinh

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM NĂM 2020



NGHIÊN CỨU THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	2
DANH MỤC HÌNH.....	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
LỜI MỞ ĐẦU	5
1. Đặt vấn đề	5
2. Mục tiêu nghiên cứu	6
CHƯƠNG 1: BỐI CẢNH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2020.....	9
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM NĂM 2020	14
2.1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại giai đoạn 2019 - 2020	14
Bảng 2.1: Giới hạn tăng trưởng tín dụng cho một số NHTM niêm yết ở Việt Nam năm 2020.....	14
Bảng 2.2: Kế hoạch hoạt động năm 2020 của một số NHTM niêm yết Việt Nam	17
2.2. Thực trạng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam năm 2020	18
2.2.1. Nguồn vốn hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.....	18
2.2.2. Tài sản của ngân hàng.....	23
2.2.3. Các hoạt động dịch vụ khác.....	28
2.2.4. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động	29
2.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2019 - 2020	33
2.3.1. Kết quả đạt được	33
2.3.2. Hạn chế	34
2.3.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế	34
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI.....	36
TÀI LIỆU THAM KHẢO	40

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Giới hạn tăng trưởng tín dụng cho một số NHTM niêm yết ở Việt Nam năm 2020	14
Bảng 2.2: Kế hoạch hoạt động năm 2020 của một số NHTM niêm yết Việt Nam.....	17
Bảng 2.3: Thay đổi giới hạn tăng trưởng tín dụng của một số ngân hàng niêm yết Việt Nam năm 2020	25

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1: Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam của các NHTM Việt Nam năm 2020	18
Hình 2.2: Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn huy động của 21 NHTM cổ phần niêm yết Việt Nam năm 2020.....	20
Hình 2.3: Tỷ lệ CASA của 21 NHTM cổ phần niêm yết Việt Nam năm 2020	21
Hình 2.4: Quy mô vốn điều lệ và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu của 21 NHTM Việt Nam năm 2020.....	23
Hình 2.5: Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020	24
Hình 2.6: Tỷ lệ nợ xấu của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020	26
Hình 2.7: Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020	27
Hình 2.8: Quy mô tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của 21 NHTM Việt Nam năm 2020	28
Hình 2.9: Tốc độ tăng trưởng thu nhập lãi thuần của các NHTM Việt Nam năm 2020 ...	30
Hình 2.10: Tốc độ tăng trưởng thu nhập dịch vụ của 21 NHTM Việt Nam năm 2020	31
Hình 2.11: Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020	32

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CASA	Current Account Savings Account: Tiền gửi không kì hạn
LDR	Loan-Deposit ratio: Tỷ lệ tiền gửi cho vay
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
USD	United States dollar
VND	Việt Nam đồng

LỜI MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề

Hệ thống ngân hàng thương mại đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong hệ thống tài chính Việt Nam nhằm đảm bảo lưu thông nguồn vốn của nền kinh tế khi thị trường vốn vẫn còn phát triển khiêm tốn (Trương Văn Phước, 2017). Trong năm 2020, dịch bệnh COVID - 19 bùng phát và lan rộng trên toàn thế giới, làm cho nhiều quốc gia rơi vào tình trạng suy thoái, Quỹ Tiền tệ quốc tế dự đoán cuộc khủng hoảng làm cho kinh tế thế giới suy thoái ở mức -4,4% năm 2020.¹ Việt Nam là một trong những quốc gia hiếm hoi duy trì được mức tăng trưởng dương, đảm bảo cho sự phát triển ổn định kinh tế nhưng nhiều ngành nghề bị ảnh hưởng đáng kể như du lịch, dịch vụ vui chơi - giải trí... Trong bối cảnh đó, ngành ngân hàng với vai trò là trung gian tài chính đã có những bước chuyển mình, thay đổi mạnh mẽ nhằm đảm bảo tốt chức năng cung ứng, phân bổ vốn cũng như hỗ trợ, sát cánh bên doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn của dịch bệnh. Việc đánh giá những thay đổi, phát triển của các NHTM Việt Nam trong năm 2020 đã được nhiều công ty chứng khoán như SSI (2020),² VNDirect (2020),³ VCBS (2020),⁴ một số chuyên gia thực hiện như nghiên cứu của Cán Văn Lực và cộng sự (2021), Nguyễn Thị Thu Hà (2020). Các nghiên cứu này tập trung chủ yếu phân tích các chỉ tiêu tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động cũng như mức độ rủi ro của các NHTM trong năm qua. Kết quả của các nghiên cứu đều cho thấy mặc dù chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh, nhưng các NHTM đều đạt được kết quả kinh doanh khả quan với mức tăng trưởng ấn tượng về quy mô tài sản, khả năng sinh lời cũng như kiểm soát được rủi ro tín dụng trong mức độ cho phép. Mặc dù vậy, các nghiên cứu chưa chú trọng phân tích sâu vào chiến lược mà các NHTM Việt Nam thực hiện để phù hợp với bối cảnh dịch bệnh nhằm vừa đảm bảo hạn chế rủi ro vừa sinh lời hiệu quả. Do đó, thông qua phân tích thống kê mô tả dữ liệu thứ cấp năm 2020, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của các NHTM ở Việt Nam trong năm 2020, từ

¹ <https://www.globaltimes.cn/content/1203364.shtml>. Ngày truy cập: 20 thg 10, 2020.

² <https://www.ssi.com.vn/khach-hang-ca-nhan/bao-cao-nganh?page=4>. Ngày truy cập: 19 thg 11, 2020.

³ https://www.vndirect.com.vn/cmsupload/beta/NganhNganhang_BCCapnhat_20200921.pdf. Ngày truy cập: 05 thg 10, 2020.

⁴ <https://vcbs.com.vn/vn/Communication/GetReport?reportId=8204>. Ngày truy cập: 12 thg 12, 2020.

đó, đưa ra một số đề xuất nhằm thúc đẩy phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng trong thời gian tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu tổng quát

Đề tài được thực hiện để đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam trong năm 2020, từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu tổng quát, đề tài cần đạt được mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau:

- Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam trong năm 2020.
- Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế còn tồn tại trong hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam trong năm 2020.
- Đề xuất giải pháp nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam trong thời gian tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài phải trả lời các câu hỏi nghiên cứu cụ thể như sau:

Câu 1: Thực trạng hoạt động của các NHTM trong năm 2020 như thế nào?

Câu 2: Kết quả đạt được và hạn chế trong hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2019 - 2020 là gì? Nguyên nhân gì dẫn đến những hạn chế trong hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam năm 2020?

Câu 3: Những giải pháp nào phù hợp nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam thời gian tới?

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở

Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Các NHTM cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong mẫu nghiên cứu gồm 21 ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, gồm cả thị trường chính thức và thị trường UPCOM. Việc lựa chọn các ngân hàng niêm yết bởi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các ngân hàng, tổng tài sản của các NHTM niêm yết chính thức chiếm hơn 75% tổng tài sản của hệ thống, đảm bảo tính đại diện cho hệ thống NHTM Việt Nam.

+ Phạm vi thời gian: Số liệu thu thập phục vụ nghiên cứu tập trung năm 2020. Nghiên cứu trong phạm vi thời gian năm 2020 bởi đây là giai đoạn lần đầu tiên xuất hiện đại dịch COVID-19, ảnh hưởng sâu rộng đến các yếu tố vĩ mô, vi ngành. Do đó, tập trung nghiên cứu giai đoạn này để thấy được hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam như thế nào trong bối cảnh kinh doanh nhiều biến động trong năm 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp, gồm: (1) số liệu vĩ mô sử dụng trong nghiên cứu được tổng hợp từ báo cáo của Tổng Cục thống kê Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước; (2) số liệu của các NHTM trong nghiên cứu được thu thập từ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng phương pháp so sánh để phân tích biến động các chỉ tiêu đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam trong mẫu nghiên cứu. Trong đó, phương pháp so sánh số tuyệt đối, số tương đối theo thời gian để làm rõ xu hướng vận động của các chỉ tiêu từ năm 2019 đến năm 2020. Đối với các nội dung phân tích, đánh giá về thực trạng hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam, đề tài sử dụng phương pháp phân tích diễn dịch, quy nạp nhằm làm rõ các luận điểm được nêu ra.

6. Nội dung nghiên cứu

Đề tài tập trung phân tích hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam niêm yết trên thị trường chứng khoán giai đoạn 2019 - 2020. Trên cơ sở phân tích những biến động vĩ mô, vi mô ngành năm 2020 so với năm 2019, tập trung vào những chiến lược các ngân hàng áp dụng để thích nghi với thay đổi vĩ mô, đề tài phân tích sự thay đổi trong kết quả kinh doanh của các NHTM Việt Nam năm 2020 so với năm 2019. Từ đó, nghiên cứu rút

ra những đánh giá về thực trạng hoạt động ngành ngân hàng và đề xuất một số giải pháp cho các NHTM Việt Nam thời gian tới.

7. Bố cục dự kiến

Ngoài lời mở đầu và kết luận, đề tài nghiên cứu gồm 3 chương:

Chương 1: Bối cảnh môi trường kinh doanh ngành ngân hàng giai đoạn 2019 - 2020

Chương 2: Thực trạng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2019 - 2020

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1: BỐI CẢNH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2020

Các doanh nghiệp trong nền kinh tế đều chịu ảnh hưởng bởi những thay đổi của môi trường kinh doanh vĩ mô. Vì vậy, khi phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, bao gồm ngân hàng cần phải phân tích môi trường kinh doanh. Các nghiên cứu của Doski và cộng sự (2013), Khan và cộng sự (2018) sử dụng mô hình PESTLE để phân tích môi trường hoạt động ngành ngân hàng tại các quốc gia khác nhau. Mô hình PESTLE đánh giá các yếu tố vĩ mô khách quan, bao gồm: chính trị (Political), kinh tế (Economics), văn hóa xã hội (Sociocultural), công nghệ (Technological), môi trường (Ecological) và pháp lý (Legal). Áp dụng phân tích môi trường kinh doanh ngành ngân hàng giai đoạn 2019 - 2020, cụ thể:

- Về chính trị: Dịch bệnh COVID-19 bùng nổ và lan rộng khắp thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến Việt Nam do Việt Nam là một trong những quốc gia mở cửa hội nhập kinh tế sâu rộng. Tuy nhiên, nhờ sự ổn định về thể chế, sự đồng lòng của người dân dưới sự dẫn dắt của Chính phủ nên Việt Nam trở thành một trong những điểm sáng hiếm hoi về kiểm soát dịch bệnh (World Bank, 2021). Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTM hoạt động bởi đặc thù của ngành ngân hàng là hoạt động dựa trên niềm tin của công chúng vào sự ổn định của quốc gia và hệ thống ngân hàng.

- Về kinh tế: Trong bối cảnh dịch bệnh, đánh giá được khó khăn của các chủ thể trong nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành các gói chính sách nhằm hỗ trợ nền kinh tế và các chủ thể vượt qua khủng hoảng do dịch bệnh, trong đó bao gồm các gói hỗ trợ về tài khóa, tín dụng, gói hỗ trợ an sinh xã hội... Theo Phạm Thị Tường Vân (2021), Chính phủ đã thực hiện đa dạng các nhóm chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nhằm tác động đến nền kinh tế gồm (1) chính sách Gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 được Chính phủ ban hành theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020; (2) Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng; (3) chính sách lãi suất; (4) chính sách hỗ trợ từ ngành ngân hàng... Trong đó, một số chính sách có tác động tích cực đến nền kinh tế từ phía đánh giá của các doanh nghiệp theo Báo cáo “Đánh giá các chính sách ứng phó với COVID-19 và các khuyến nghị”, do Trường Đại học Kinh tế quốc

dân (ĐHKTQD) phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) (2020) là những chính sách liên quan đến thuế và đầu tư công. Nhờ việc thực hiện chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh dịch bệnh, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia hiếm hoi không rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế (Ngân hàng Thế giới, 2020). Mặc dù vậy, so với mức 7,02% năm 2019, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2020 giảm mạnh xuống chỉ còn 2,91%. Tốc độ tăng trưởng CPI giảm từ 3,6% năm 2019 xuống còn 2,8% năm 2020 cho thấy Việt Nam kiểm soát tốt lạm phát trong bối cảnh dịch bệnh. Mặt bằng lãi suất được duy trì ở mức thấp theo chính sách tiền tệ nói lỏng để góp phần thúc đẩy tăng trưởng của NHNN cũng tạo điều kiện cho các NHTM phát triển hoạt động. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2020 là 2,48%, cao hơn 0,31 điểm phần trăm so với năm 2019. Đồng thời, có sự dịch chuyển một lượng lớn lao động từ khu vực chính thức sang phi chính thức (Tổng Cục thống kê, 2020). Về thu nhập bình quân đầu người, theo báo cáo của Tổng Cục thống kê (2020), chỉ tiêu này giảm xuống chỉ còn 5,5 triệu đồng, giảm 0,128 triệu đồng so với năm trước. Những kết quả này cho thấy dịch bệnh đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế cũng như đời sống của người dân trong năm 2020, kéo theo những thách thức lớn cho ngành ngân hàng trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh, đặc biệt là mở rộng tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng.

- Về xã hội: Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2020), cơ cấu dân số và xã hội của Việt Nam đang thay đổi nhanh chóng. Dân số Việt Nam đạt 97,56 triệu người vào năm 2020, tăng 1.098,7 nghìn người, tương đương tăng 1,14% so với năm 2019. Trong tổng dân số, dân số thành thị 35,93 triệu người, chiếm 36,8%; dân số nông thôn 61,65 triệu người, chiếm 63,2%; dân số nam 48,59 triệu người, chiếm 49,8%; dân số nữ 48,99 triệu người, chiếm 50,2% (Tổng Cục thống kê, 2020). Theo kết quả Tổng điều tra dân số Việt Nam năm 2019, 55,5% dân số có độ tuổi dưới 35, với tuổi thọ trung bình gần 76 tuổi, cao hơn những nước có thu nhập tương đương trong khu vực. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho biết tầng lớp trung lưu đang hình thành tại Việt Nam – hiện chiếm 13% dân số và dự

kiến sẽ lên đến 26% vào năm 2026.⁵ Quy mô dân số đông, phần lớn đang nằm trong độ tuổi lao động, và có tầng lớp trung lưu đang hình thành là những yếu tố tạo ra thuận lợi cho các NHTM triển khai các dịch vụ kinh doanh, đặc biệt là những sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ và tạo ra nhiều tiện ích cho người tiêu dùng. Cơ cấu dân số tập trung chủ yếu là nông thôn cho thấy tiềm năng phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính trong tương lai.

- Công nghệ: Trong bối cảnh công nghiệp 4.0, những thay đổi công nghệ đang dần thay đổi các ngành nghề kinh tế, trong đó có ảnh hưởng mạnh đến hoạt động của các NHTM. Sự ra đời của AI, điện toán đám mây cũng như các công nghệ bảo mật đã hỗ trợ cho NHTM trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua cơ chế tự động hóa, rút ngắn thời gian giao dịch, đặc biệt là triển khai đa dạng các dịch vụ 24/7. Theo Nghiêm Xuân Thành (2020), những thành tựu công nghệ nổi bật mang lại nhiều cơ hội lớn cho các NHTM Việt Nam, cụ thể: (1) thông qua ứng dụng công nghệ, đảm bảo chất lượng dịch vụ, các ngân hàng sẽ gia tăng khả năng cạnh tranh, giảm nhân lực thủ công, giảm chi phí phân phối và nâng cao lợi nhuận, (2) Gia tăng cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế của các ngân hàng; (3) Phát triển các sản phẩm dịch vụ theo hướng tài chính toàn diện nhằm tiếp cận các đối tượng khách hàng vùng sâu, vùng xa... Tuy nhiên, sự ra đời của các fintech trong lĩnh vực thanh toán, cho vay... cũng làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường ngành.

- Môi trường: Ngành ngân hàng là không những ít tác động tiêu cực đến môi trường mà còn đang là một trong những ngành hỗ trợ phát triển tăng trưởng xanh. Các dự án năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc hỗ trợ phát triển xanh, các dự án sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường cũng đang được triển khai đa dạng ở Việt Nam. Do đó, dưới góc độ là các trung gian tài chính hỗ trợ vốn, ngân hàng có thể tham gia huy động và phân bổ vốn cho các dự án xanh.

- Pháp lý: NHTM là trung gian tài chính, là cánh tay nối dài của ngân hàng trung ương, do đó, các NHTM phải tuân thủ chặt chẽ quy định của ngân hàng trung ương để đảm bảo

⁵ <https://www.grantthornton.com.vn/insights/articles/Founders-insights/potential-in-reach-to-become-decades-stand-out-performer/>. Ngày truy cập: 10 thg 02, 2021.

sự phát triển bền vững của hệ thống. Những quy định về để đảm bảo an toàn ngành ngân hàng gồm: (1) đảm bảo an toàn vốn mới theo Thông tư 41/2016-TT-NHNN hoặc Thông tư 22/2019-TT-NHNN; (2) giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn theo Thông tư 22/2019-TT-NHNN; (3) áp dụng tỷ lệ LDR tối đa mới đồng bộ ở mức 85% cho tất cả các ngân hàng (Thông tư 22/2019-TT-NHNN) sẽ cho phép các ngân hàng tư nhân có thêm cơ hội đẩy mạnh tỷ lệ này (so với mức ngưỡng tối đa 80% trước đây) để cải thiện NIM nhưng làm cho một số các ngân hàng quốc doanh gặp khó khăn trong tăng trưởng tín dụng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh dịch bệnh, NHNN Việt Nam đã thực hiện điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm kích thích kinh tế, hỗ trợ tài khóa phù hợp. Theo đó, NHNN ban hành tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với diễn biến của nền kinh tế. Nguồn vốn tín dụng được tập trung vào ngành nghề sản xuất - kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hướng đến việc khôi phục và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tăng trưởng kinh tế sau đại dịch. Trên cơ sở đó, NHNN đã liên tiếp điều chỉnh giảm 02 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho TCTD, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6-0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân. Đồng thời cũng ban hành các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng bởi vốn vay. NHNN cũng đã ban hành Thông tư 01/2020-TT-NHNN ngày 13/03/2020 quy định về việc cơ cấu lại thời hạn nợ, miễn/giảm lãi vay hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Thông tư này được ban hành không những giúp khách hàng gặp khó khăn không trả được nợ mà còn giúp các ngân hàng kiểm soát nợ xấu trong giai đoạn bất ổn do dịch bệnh gây ra. Ngoài ra, NHNN cũng ban hành các văn bản như Thông báo số 35/TB-NHNN, Văn bản 479/ NHNN-VP, 541/NHNN-TD, 1117/NHNN-TD, 1425/NHNN-TDCNKT nhằm chỉ đạo các ngân hàng tiết kiệm chi phí để thực hiện cơ cấu nợ, xem xét miễn/giảm lãi và các loại phí cho các doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. NHNN cũng chỉ đạo Công ty cổ phần chuyển mạch quốc gia (Napac), các TCTD miễn, giảm các phí dịch vụ thanh toán; miễn phí chuyển tiền ủng hộ phòng, chống dịch COVID-19 và hạn mượn qua tài khoản ngân hàng; miễn, giảm phí

dịch vụ thanh toán cho các đối tượng nhận hỗ trợ thông qua phương thức thanh toán trực tuyến qua ngân hàng. Những chính sách, quy định của NHNN đã giúp ngân hàng có những thay đổi trong hoạt động phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh. Những văn bản quy định nêu trên thể hiện rõ định hướng nói lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ cho các chủ thể trong nền kinh tế cũng như ổn định hoạt động ngành ngân hàng. Điều này tạo ra nhiều thuận lợi cho ngành ngân hàng phát triển ổn định trong môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Như vậy, năm 2020 là năm có nhiều yếu tố bất lợi cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng khi dịch bệnh xảy ra tác động sâu rộng và phức tạp đến các thành phần trong nền kinh tế. Những chính sách hỗ trợ từ chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ cũng như những thay đổi về xã hội mang lại những thời cơ, thách thức cho ngành ngân hàng năm 2020.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM NĂM 2020

2.1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại giai đoạn 2019 - 2020

Nếu năm 2019 là năm ngành ngân hàng có nhiều thuận lợi để phát triển thì năm 2020 là năm ngành ngân hàng chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh. Điều này đã làm cho các NHTM thay đổi chiến lược kinh doanh nhằm thích nghi linh hoạt trong các kịch bản khác nhau liên quan đến phòng chống dịch. Trong giai đoạn nền kinh tế tăng trưởng mạnh năm 2019, hoạt động tín dụng đóng vai trò chủ lực, mang lại nguồn thu lớn cho các NHTM. Tuy nhiên, đến năm 2020, hoạt động kinh doanh của các NHTM có nhiều thay đổi. Cụ thể:

Thứ nhất, các ngân hàng đều xem xét lại kế hoạch liên quan đến hoạt động tín dụng khi mà giới hạn tăng trưởng tín dụng do NHNN cấp cho mỗi ngân hàng đều thấp hơn so với dự kiến vào cuối năm 2019. Mức giới hạn tăng trưởng tín dụng chi tiết cho một số ngân hàng được thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1: Giới hạn tăng trưởng tín dụng cho một số NHTM niêm yết ở Việt Nam năm 2020

	Quota 2020	Thực hiện 2019	Thay đổi (+/-)
VCB	10%	15.9%	-5.9%
BID	9%	12.6%	-3.6%
CTG	8.5%	7.3%	1.2%
TCB	13%	17%	-4.0%
ACB	11.75%	17%	-5.3%
EIB	9%	8.8%	0.2%
VPB	13%	17.9%	-4.9%
LPB	10.5%	17.6%	-7.1%
MBB	11.75%	15.8%	-4.1%
VIB	10.5%	31.1%	-20.6%
TPB	11.5%	17%	-5.5%
HDB	11%	19.6%	-8.6%
Tổng cộng	10.1%	13.7%	-3.6%

Nguồn: Các NH niêm yết, BSC tổng hợp

NHNN cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng ở mức thấp nhằm phù hợp với mức độ hấp thụ vốn của nền kinh tế cũng như hướng các NHTM tập trung vốn vào những lĩnh vực an

toàn, hạn chế cho vay những phân khúc rủi ro cao, cũng như giảm mức độ cạnh tranh huy động vốn để phát triển tín dụng. Trong báo cáo triển vọng ngân hàng năm 2020, các báo cáo phân tích của SSI (2020), VNDirect (2020), BSC (2020)⁶ đều cho thấy các NHTM chú trọng tập trung hỗ trợ khách hàng vượt qua dịch bệnh, kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở mức độ cho phép, chú trọng đảm bảo chất lượng tín dụng. Dưới sự chỉ đạo của NHNN về hỗ trợ khách hàng trong bối cảnh dịch bệnh, tuân thủ theo chỉ thị 11/CT-TTg, các NHTM cam kết triển khai gói hỗ trợ tín dụng 250.000 tỷ đồng với lãi suất thấp hơn 2%/năm so với thời điểm trước dịch. Đến tháng 10/2020, số lượng vốn mà các NHTM cam kết tham gia gói hỗ trợ tín dụng lên đến 600.000 tỷ đồng. Điều này cho thấy phần lớn các NHTM chú trọng hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn của dịch bệnh hơn là triển khai mở rộng tín dụng. Phù hợp với chủ trương của Chính phủ, NHTM đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế. Các NHTM đặt kế hoạch kinh doanh thận trọng trong bối cảnh diễn biến dịch bệnh phức tạp. Các hoạt động tín dụng tiềm ẩn rủi ro cao được kiểm soát chặt chẽ. Các NHTM trước đây mạnh về bán buôn đều có sự dịch chuyển sang bán lẻ nhằm phân tán rủi ro. Trước bối cảnh dịch bệnh, các NHTM thận trọng trong việc đặt ra các chỉ tiêu phản ánh hoạt động. Theo báo cáo thường niên 2020 đánh giá hoạt động của năm 2019, bộ 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam là Vietinbank, Vietcombank và BIDV đều đang tăng dần tỷ trọng bán lẻ trong cơ cấu danh mục tín dụng, thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng tín dụng bán lẻ ở mức cao, dư nợ tín dụng bán lẻ ngày càng tăng trong danh mục tín dụng của ngân hàng. Điều này tiếp tục được xem là định hướng phù hợp giúp các ngân hàng phát triển trong năm 2002. Nhóm NHTM cổ phần tư nhân, thay vì đặt ra các chỉ tiêu cao như kỳ vọng cuối năm 2019 đầu năm 2020, trong báo cáo thường niên trình Đại hội đồng cổ đông vào giữa năm 2020 đánh giá hoạt động tín dụng tiềm ẩn nhiều rủi ro cao, cần thực hiện linh hoạt theo các kịch bản đối phó dịch bệnh COVID-19 của Chính phủ. Theo đó, nhóm ngân hàng tư nhân như VIB, VPB, TCB, MBB... tiếp tục khai thác phân khúc khách hàng cá nhân, doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ trên thị trường với mục tiêu tăng trưởng tín dụng dành cho nhóm này ở mức cao. Bên cạnh đó, những ngành nghề kinh doanh tiềm ẩn

⁶ <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2738294>. Ngày truy cập 12 thg 04, 2021.

rủi ro cao, không phù hợp với định hướng của chính phủ cũng bị hạn chế cấp tín dụng nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng. Các ngân hàng cũng hoàn thiện giai đoạn nước rút để đạt được các tiêu chuẩn Basel II trong đó bao gồm các hoạt động về quản trị rủi ro nói chung và quản trị rủi ro tín dụng nói riêng. Trong báo cáo thường niên 2020, các NHTM đều đặt ra mục tiêu kiểm soát nợ xấu dưới mức 3% mặc cho bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Điều này cho thấy quyết tâm của các NHTM để phát triển bền vững, chấp nhận hi sinh lợi nhuận để đảm bảo ổn định hệ thống theo đúng định hướng phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025 của NHNN.

Thứ hai, các NHTM hướng đến tăng thu nhập phi lãi. Dịch bệnh COVID-19 mang lại nhiều khó khăn cho ngân hàng để mở rộng hoạt động tín dụng nhưng lại là cơ hội thuận lợi để ngân hàng chuyển đổi phát triển mảng thanh toán không dùng tiền mặt. Nhiều NHTM trước đây đã đẩy mạnh giao dịch trực tuyến, phát triển hệ thống online, thu hút được một lượng khách hàng giao dịch. Trong bối cảnh dịch bệnh, số lượng khách hàng đăng ký giao dịch trực tuyến gia tăng nhanh chóng. Đây là điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng gia tăng thu hút nguồn tiền gửi trên tài khoản online cũng như cung cấp các dịch vụ thanh toán ngân hàng trực tuyến. Điều này tạo điều kiện cho các ngân hàng nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng 24/7, góp phần giúp các ngân hàng thay đổi cơ cấu thu nhập, từ phụ thuộc vào nguồn thu tín dụng thay vào đó tăng dần tỷ trọng thu nhập phi tín dụng như các khoản thu từ phí dịch vụ. Ngoài ra, các hoạt động bancassurance trong năm 2019 cũng đóng góp tích cực cho thu nhập của ngân hàng, tạo đà cho việc phát triển hoạt động này trong các năm tiếp theo. Không chỉ vậy, các NHTM cũng chú trọng hợp tác với các công ty công nghệ Fintech nhằm triển khai đa dạng dịch vụ, mang thêm nhiều tiện ích, sự lựa chọn cho khách hàng khi thanh toán không dùng tiền mặt. Điều này đã mang lại thay đổi đáng kể cho các ngân hàng thương mại trong cơ cấu thu nhập từ năm 2019 đến năm 2020. Các NHTM có vốn của Nhà nước đều có tỷ trọng thu nhập phi lãi tăng đáng kể trong năm 2019 như Vietinbank có tỷ lệ thu nhập ngoài lãi chiếm 22% tổng doanh thu hoạt động, thu thuần từ dịch vụ tăng 43% so với năm 2018), thu nhập từ các lĩnh vực phi tín dụng của VCB năm 2019 cũng tăng rất mạnh và đã chiếm tới 39,2% tổng thu nhập từ hoạt

động kinh doanh. Điều này tạo cơ sở vững chắc cho các ngân hàng chú trọng triển khai các dịch vụ ngân hàng điện tử và đẩy mạnh tỷ trọng nguồn thu phí lãi trong kế hoạch hoạt động. Đối với khối ngân hàng tư nhân như Techcombank, TPbank nhanh chóng đổi mình cũng có nguồn thu nhập phí lãi đáng kể, đóng góp quan trọng trong cơ cấu thu nhập của ngân hàng.

Thứ ba, nhận thức được khó khăn do dịch bệnh mang lại, cùng với chỉ thị của Chính phủ và NHNN yêu cầu các NHTM cân đối lại các hoạt động thu chi nhằm hỗ trợ khách hàng, các NHTM chú trọng cắt giảm các chi phí hoạt động, đặc biệt là chi phí cho nhân viên, chi phí quản lý công vụ... Ngoài ra, nhờ chỉ thị 01 của Chính phủ nên chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của các ngân hàng không những không tăng mà còn giảm, góp phần làm gia tăng lợi nhuận cho các ngân hàng.

Thứ tư, về các chỉ tiêu phản ánh sinh lời, hầu như các ngân hàng đều thận trọng trong việc đặt ra các chỉ tiêu sinh lời. Nhóm ngân hàng thương mại tư nhân đặt mục tiêu lợi nhuận khá khiêm tốn. Điển hình như Techcombank, ACB chỉ tăng 1% so với năm 2019. Một số khác đặt ra kế hoạch lợi nhuận giảm khoảng 10% so với năm 2019 và cố gắng đạt bằng 2019 nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt như Sacombank, MBB. Nhóm ngân hàng có vai trò dẫn dắt thị trường gồm Vietcombank, Vietinbank đều không đặt ra mục tiêu lợi nhuận cụ thể trong báo cáo thường niên do những diễn biến phức tạp của dịch bệnh.

Bảng 2.2: Kế hoạch hoạt động năm 2020 của một số NHTM niêm yết Việt Nam

Ngân hàng	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ kế hoạch/thực hiện
MB	~9.000	10.036	90%
Sacombank	2.573	3.217	90%
BIDV	12.500	10.732	116%
Vietinbank	N/A	11.781	N/A
Vietcombank	N/A	23.122	N/A
ACB	7.636	7.516	101%
Techcombank	~13.000	12.838	101%
VPBank	10.214	10.324	99%

Nguồn: Tài liệu ĐHCĐ

Nguồn: Hạc Hiên (2020)⁷

Như vậy, kế hoạch hoạt động của các NHTM Việt Nam trong mẫu nghiên cứu đều nhận thức rõ những khó khăn thử thách mà dịch bệnh mang lại, từ đó, đã có những thay đổi về cơ cấu hoạt động, cơ cấu doanh thu và mức chấp nhận rủi ro phù hợp với những kịch bản kinh tế khác nhau. Đây là cơ sở để các NHTM triển khai các hoạt động trong năm 2020 nhằm đạt được kế hoạch đề ra.

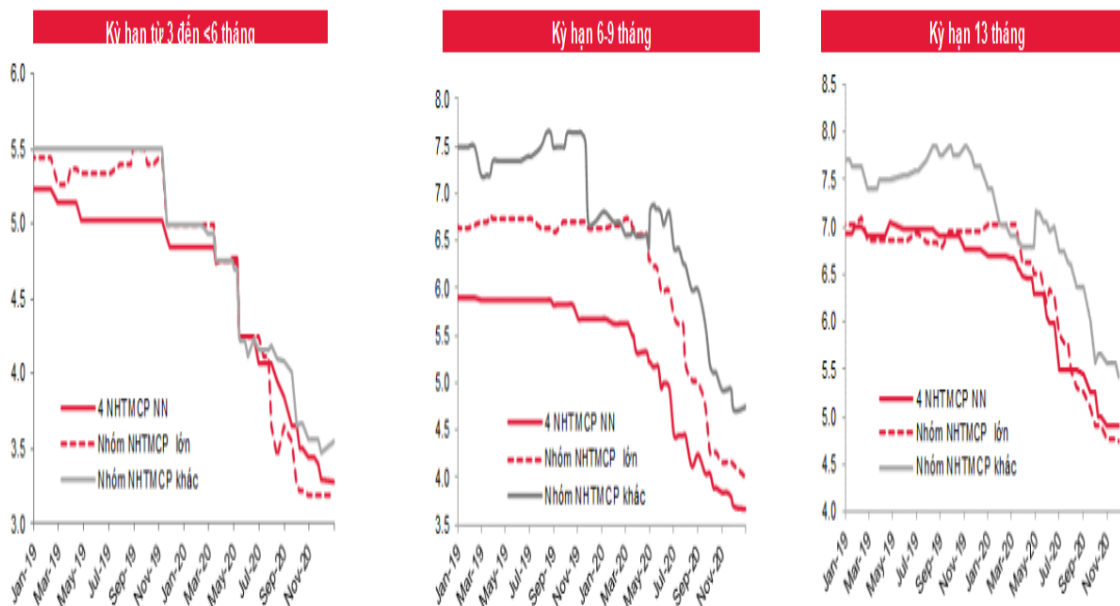
2.2. Thực trạng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam năm 2020

2.2.1. Nguồn vốn hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam

2.2.1.1. Nguồn vốn huy động

Lãi suất của các NHTM giảm liên tục trong năm 2020 nhằm phù hợp với định hướng của NHNN trong việc nới lỏng chính sách tiền tệ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế được thể hiện qua hình 2.1.

Hình 2.1: Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam của các NHTM Việt Nam năm 2020



Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán SSI (2020)

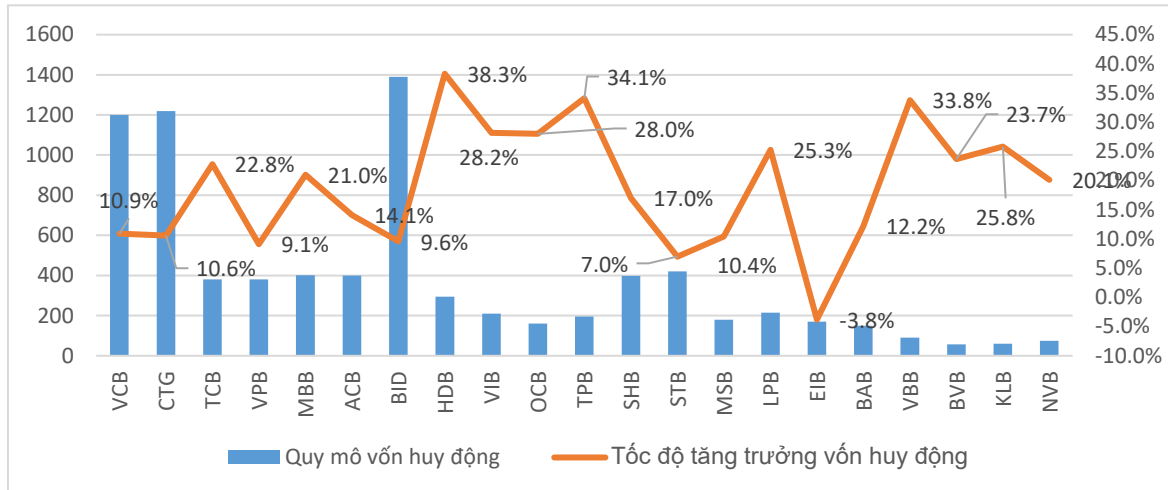
⁷ <https://laodong.vn/kinh-te/ke-hoach-cua-cac-ngan-hang-truoc-mua-dai-hoi-dong-co-dong-2020-va-COVID-19-812701.lao>. Ngày truy cập: 20 thg, 12, 2020.

Nhìn vào hình 1 có thể thấy các NHTM Việt Nam giảm dần lãi suất huy động, trong đó, lãi suất huy động của nhóm ngân hàng quốc doanh luôn thấp nhất thị trường, đặc biệt là đối với các khoản tiền gửi trong ngắn hạn. Vào thời điểm cuối tháng 12/2020, mức lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,1% đến 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3% đến 3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2% đến 6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,8% đến 6,9%/năm. Lãi suất huy động USD của TCTD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức. Việc lãi suất huy động giảm dần phù hợp với khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế khi nhu cầu vay giảm sút, các NHTM dồi dào thanh khoản. Bên cạnh đó, giảm lãi suất huy động cũng phù hợp với định hướng giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ khách hàng vay vốn trong bối cảnh dịch bệnh.

Mặc dù lãi suất huy động giảm dần trong 12 tháng năm 2020 nhưng các ngân hàng vẫn gia tăng nguồn vốn huy động thể hiện ở hình 2.2. Trong đó, ngân hàng có quy mô nguồn vốn huy động cao nhất là BID đạt 1374 ngàn tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng tương ứng là 14,1% so với năm trước. Có tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động cao nhất là ngân hàng HDB ở mức 38,3%, đạt hơn 294 ngàn tỷ đồng. Riêng ngân hàng EIB do đang trong giai đoạn giám sát đặc biệt nên nguồn vốn huy động không những không tăng mà còn giảm so với năm trước ở mức - 3,8%. Lãi suất thấp vẫn thu hút khách hàng gửi tiền tại ngân hàng bởi các kênh đầu tư khác vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro như vàng, bất động sản.

Hình 2.2: Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn huy động của 21 NHTM cổ phần niêm yết Việt Nam năm 2020

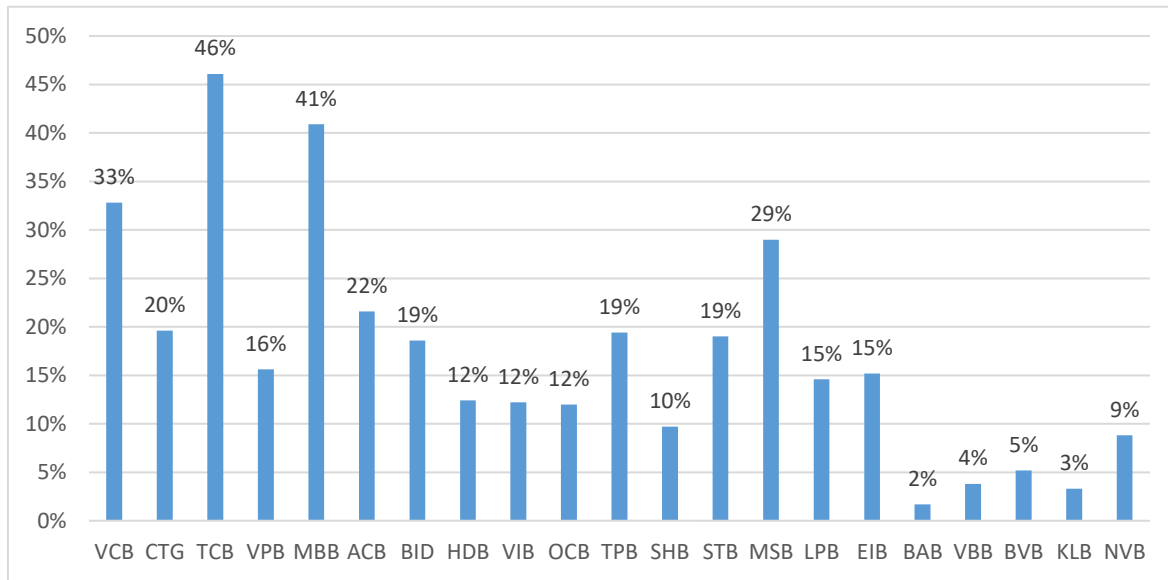
ĐVT: ngàn tỷ đồng



Nguồn: SSI, Tổng hợp của tác giả

Trong cơ cấu vốn huy động của các ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đang gia tăng nhanh chóng nhờ các ngân hàng đẩy mạnh nền tảng công nghệ trong cung cấp dịch vụ ngân hàng hình 2.3. Theo báo cáo phân tích của Vietstock (2020), tổng tiền gửi không kỳ hạn của các NHTM niêm yết đạt gần 1.35 triệu tỷ đồng, tăng 27% so với năm trước.⁸

⁸ <https://vietstock.vn/2021/03/nguon-von-gia-re-cua-ngan-hang-cai-thien-trong-nam-2020-737-827940.htm>. Ngày truy cập: 04 thg 04, 2021.

Hình 2.3: Tỷ lệ CASA của 21 NHTM cổ phần niêm yết Việt Nam năm 2020

Nguồn: SSI (2020) và tổng hợp của tác giả

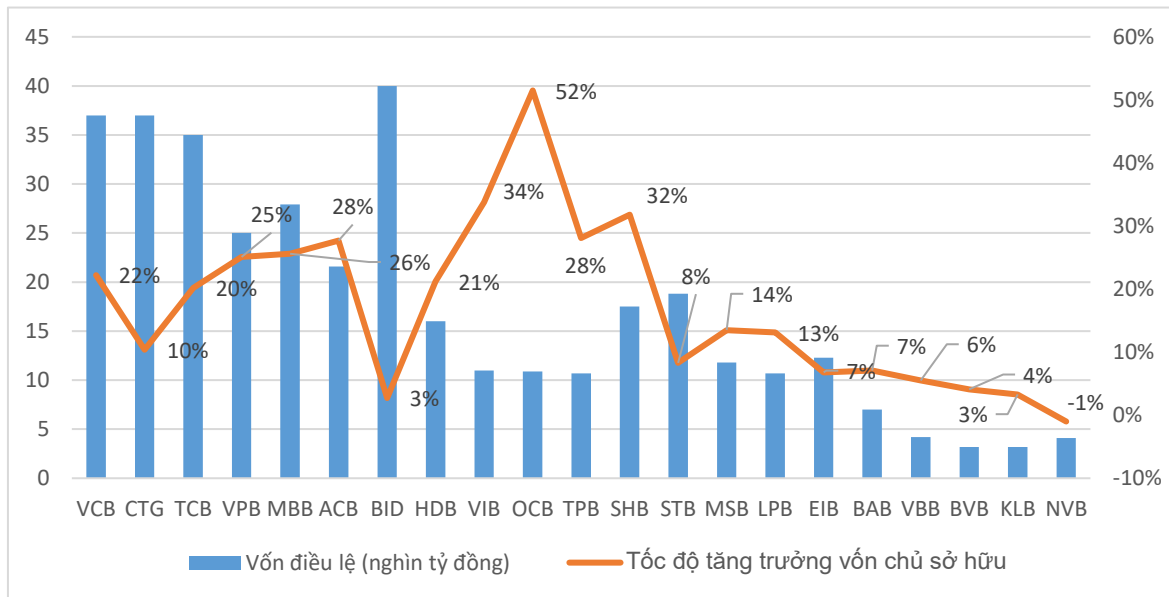
Nhìn vào hình 2.3 có thể thấy có sự phân hóa thành 3 nhóm ngân hàng dựa trên tỷ lệ CASA gồm nhóm có tỷ lệ CASA cao, nhóm có tỷ lệ CASA trung bình và nhóm có tỷ lệ CASA thấp. Theo báo cáo thường niên của các NHTM trong mẫu nghiên cứu, VCB (33%), MBB (41%) và TCB (46%) là 3 ngân hàng có lượng tiền gửi không kỳ hạn cao nhất trong hệ thống. Điều này là do VCB và MB có mạng lưới khách hàng rộng lớn, đặc biệt là có nhiều tài khoản tiền gửi thanh toán của các doanh nghiệp. Riêng TCB đã vượt các ông lớn ngân hàng để duy trì tỷ lệ CASA ở mức cao và tăng đến 44% trong năm 2020 bằng chiến lược miễn phí dịch vụ tài khoản và hoàn tiền trên tài khoản thẻ để thu hút khách hàng. Các NHTM trong mẫu nghiên cứu cũng đều có lượng tiền gửi không kỳ hạn tăng trưởng trong năm 2020, giúp tỷ lệ CASA trên tổng tiền gửi khách hàng cải thiện trong năm 2020 như MSB (29%), ACB (22%)... ngoại trừ một số ngân hàng nhỏ có tỷ lệ CASA ở mức thấp là BAB (2%), KLB (3%). Trong bối cảnh dịch bệnh, tỷ lệ CASA của phần lớn các NHTM tăng lên giúp các NHTM kiểm soát được chi phí vốn vì tiền gửi không kỳ hạn được xem là nguồn vốn giá rẻ với chi phí vốn bình quân khoảng 0.2%/năm (Vietstock, 2020). Nói cách khác, nếu NHTM huy động được nhiều tiền gửi không kỳ hạn trong tổng vốn thì sẽ có khả năng bù đắp cho việc tăng chi phí huy động các nguồn vốn giá cao khác như tiền

gửi có kỳ hạn hoặc phát hành trái phiếu. Nhờ tiết kiệm được chi phí đầu vào, các NHTM có thể tăng thu nhập lãi thuần cũng như giảm lãi suất tín dụng để hỗ trợ khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, việc thu hút tiền gửi không kỳ hạn từ khách hàng còn giúp ngân hàng triển khai các sản phẩm dịch vụ qua tài khoản, góp phần đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng cũng như gia tăng nguồn thu phi tín dụng.

2.2.1.2. *Vốn chủ sở hữu*

Bên cạnh vốn huy động, vốn chủ sở hữu của các NHTM cũng là nguồn vốn quan trọng để các NHTM kinh doanh, đầu tư và đặc biệt là chống đỡ rủi ro. Trong năm 2020, quy mô vốn điều lệ của các NHTM vẫn có sự phân hóa khá rõ rệt. 03 vị trí dẫn đầu về vốn điều lệ vẫn thuộc về 3 ngân hàng quốc doanh với vị trí BID, VCB và CTG. Trong các NHTM cổ phần tư nhân, TCB và MBB là hai ngân hàng có quy mô vốn điều lệ cao nhất. Ở chiều ngược lại, BVB và KLB là hai ngân hàng có quy mô vốn điều lệ thấp nhất. Quy mô vốn điều lệ nói riêng, vốn chủ sở hữu nói chung sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các NHTM khi các NHTM phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hệ số an toàn vốn tối thiểu và các quy định về quản lý rủi ro của NHNN. Trong năm 2020, mặc dù khó khăn nhưng vốn chủ sở hữu của các NHTM đều tăng lên. Trong đó tăng cao nhất là OCB với tốc độ tăng tương ứng là 52%, xếp sau là SHB với tỷ lệ là 32%. Chỉ duy nhất 1 ngân hàng có quy mô vốn chủ sở hữu giảm là NVB với mức giảm nhẹ -1%.

Hình 2.4: Quy mô vốn điều lệ và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu của 21 NHTM Việt Nam năm 2020



Nguồn: SSI (2020) và tổng hợp của tác giả

2.2.2. Tài sản của ngân hàng

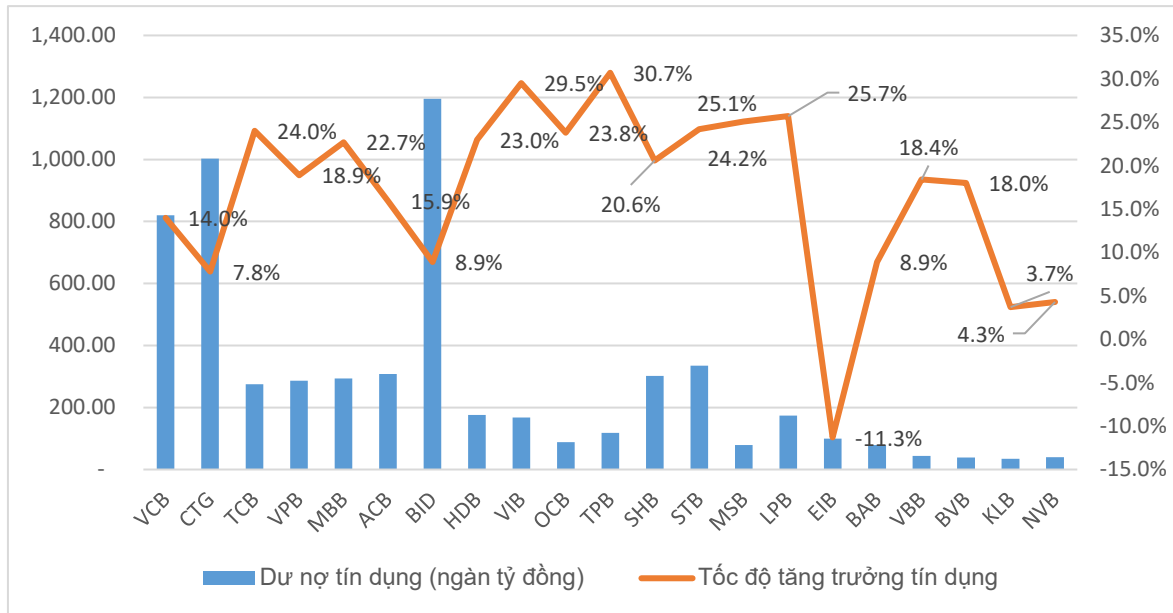
2.2.2.1. Hoạt động tín dụng

* Quy mô hoạt động tín dụng

Với định hướng chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ vốn cho các chủ thể trong nền kinh tế phục hồi hoạt động sau khi kiểm soát đại dịch, lãi suất cơ bản liên tục được điều chỉnh giảm, làm cho lãi suất cho vay của các NHTM Việt Nam cũng giảm mạnh. Theo báo cáo của NHNN, mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND của các NHTM Việt Nam giảm mạnh so với cuối năm 2019, phổ biến ở mức 5,5% đến 8,0% với các khoản vay từ 1 năm trở xuống, 7,5% đến 9,5%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với một số lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ hoặc doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, lãi suất cho vay ngắn hạn chỉ ở mức 4,5%. Theo báo cáo của NHNN, tăng trưởng tín dụng năm 2020 thấp hơn so với năm 2019 và thấp hơn so với mức kế hoạch 14% đầu năm đặt ra. Mặc dù vậy mức tăng 12% với tổng cung ứng vốn cho nền kinh tế đạt 9 triệu tỷ đồng của hệ thống ngân hàng được xem như là thành công của hệ

thống ngân hàng trong bối cảnh dịch bệnh. Hoạt động tín dụng của các NHTM trong mẫu nghiên cứu đều tăng lên, ngoại trừ ngân hàng EIB, thể hiện qua hình 2.5.

Hình 2.5: Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020



Nguồn: Báo cáo tài chính của các NHTM, SSI và tổng hợp của tác giả

Nhìn vào hình 2.4, dư nợ tín dụng lớn nhất vẫn thuộc về nhóm ngân hàng quốc doanh gồm BID, CTG và VCB. Nhưng ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng lớn nhất là TPB (30,7%), LPB (25,7%). Một số các NHTM tư nhân được NHNN nói giới hạn tăng trưởng tín dụng trong 3 tháng cuối năm để phù hợp với diễn biến trên thị trường (bảng 2.3) như ngân hàng TPB được tăng 8,5% đến 12,5%, HDB được tăng từ 7,5% đến 11,5%, HDB được tăng 7% đến 12%.

Bảng 2.3: Thay đổi giới hạn tăng trưởng tín dụng của một số ngân hàng niêm yết Việt Nam năm 2020

	Hạn mức 2020 (cũ)	Hạn mức 2020 (mới)	Thay đổi (+/-)
VCB	10%	10%	0%
BID	9%	9%	0%
CTG	8.5%	8.5%	0%
TCB	13%	19% - 23%	6% - 10%
ACB	11.75%	11.75%	0%
EIB	9%	9%	0%
VPB	13%	19% - 23%	6% - 10%
MBB	11.75%	20.0%	8.25%
VIB	10.5%	19% - 23%	8.5% - 12.5%
TPB	11.5%	19% - 23%	7.5% - 11.5%
HDB	11%	19% - 23%	7% - 12%
Tổng cộng	10.1%	11.6%	1.5%

Nguồn: Tạp chí Tài chính (2020)⁹

NHNN tăng giới hạn tăng trưởng tín dụng cũng như các NHTM đạt được tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức cao, đặc biệt là vào 3 tháng cuối năm vì các nguyên nhân sau: (1) Tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát ổn định, mặc dù vẫn có ca bệnh phát sinh nhưng được Chính phủ kiểm soát tốt, không xảy ra hiện tượng lây lan; (2) Làn sóng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt ở các ngành công nghiệp, công nghiệp phụ trợ... ở mức cao nhằm tận dụng những lợi thế từ các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết làm cho nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cá nhân trong nền kinh tế gia tăng; (3) nhu cầu vay vốn tiêu dùng của khách hàng cá nhân cũng gia tăng sau khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi, người dân quay trở lại với công việc; (4) đặc điểm chu kỳ tăng trưởng tín dụng thường tăng cao vào thời điểm cuối năm.

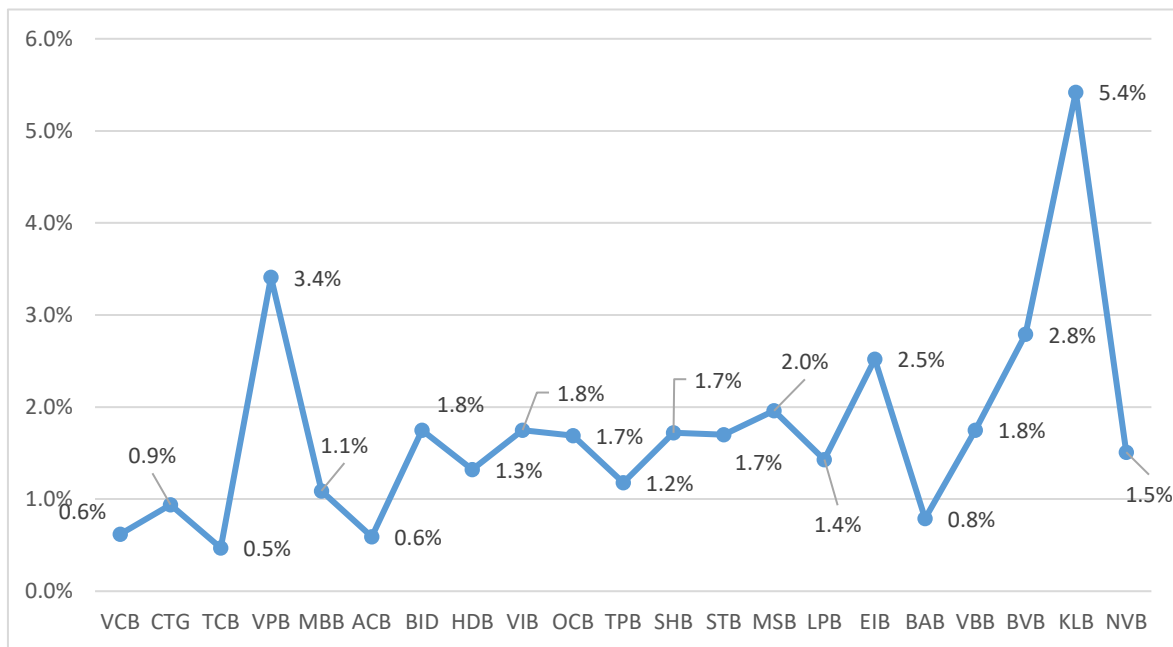
*** Chất lượng tín dụng**

Trong giai đoạn tái cơ cấu hệ thống ngành ngân hàng, một trong những mục tiêu đặt ra là giải quyết tồn đọng nợ xấu của hệ thống. Vì vậy, song song với việc tăng trưởng tín dụng, các NHTM cũng phải chú trọng đảm bảo kiểm soát rủi ro tín dụng trong mức độ cho phép. Dịch bệnh COVID-19 xảy ra đã tác động không nhỏ đến khả năng trả nợ của khách

⁹ <https://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/ngan-hang-nao-duoc-noi-room-tin-dung-nhieu-nhat-327258.html>. Ngày truy cập: 30 thg 09, 2021.

hàng, làm cho các NHTM đầu năm 2020 lo ngại rủi ro tín dụng xảy ra. Nhờ có chính sách của Chính phủ về việc miễn giảm lãi cũng như không chuyển nhóm nợ cho các khách hàng vay vốn gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh nên chất lượng tín dụng của các NHTM không biến động mạnh. Theo báo cáo của NHNN (2020), các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khoảng 270 nghìn khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 với dư nợ gần 355 nghìn tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho gần 590 nghìn khách hàng với dư nợ trên 1 triệu tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của 21 NHTM niêm yết năm 2020 được thể hiện qua hình 2.5, cho thấy phần lớn các NHTM kiểm soát tốt rủi ro tín dụng, chỉ có VPB và KLB có tỷ lệ nợ xấu trên mức 3%, lần lượt là 3,4% và 5,4%. Một số các NHTM tăng cao chủ yếu là do các khoản vay tiêu dùng cá nhân vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn so với các khoản vay sản xuất kinh doanh, đồng thời bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên ảnh hưởng đến khả năng trả nợ.

Hình 2.6: Tỷ lệ nợ xấu của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020

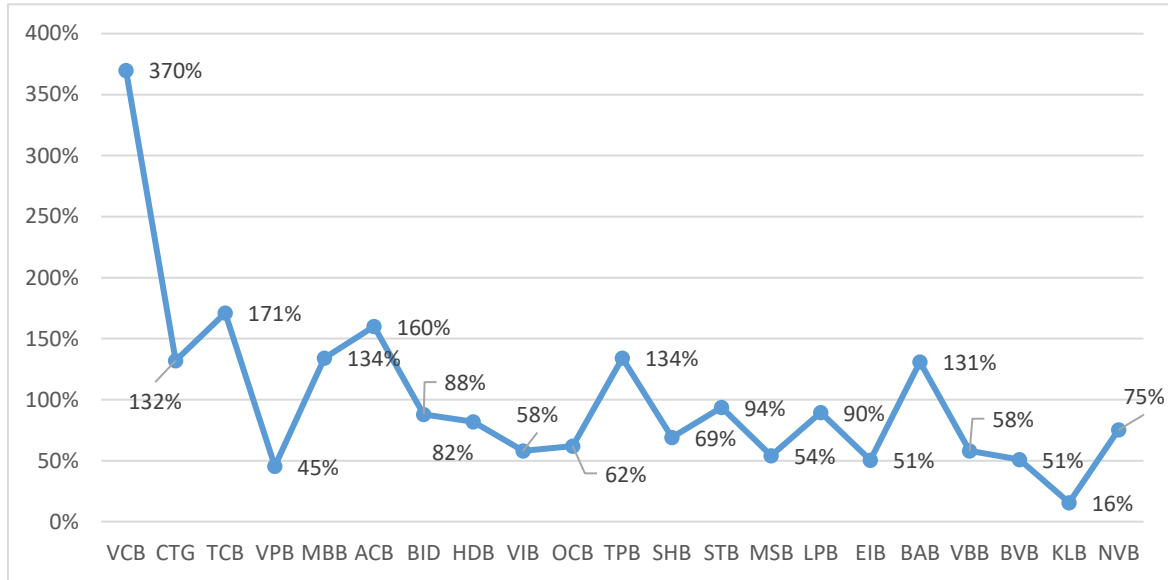


Nguồn: SSI (2020), tổng hợp của tác giả

Để đánh giá khả năng phòng thủ của ngân hàng trước những rủi ro liên quan đến nợ xấu, người ta thường xem xét tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLC) của các ngân hàng. Một tỷ lệ LLC cao cho thấy độ chủ động nguồn lực đối ứng nợ xấu của ngân hàng đang ở mức tốt.

Và ngược lại, nếu tỷ lệ này đang ở mức thấp cho thấy mức độ phòng thủ của ngân hàng với rủi ro tín dụng có mức thấp.

Hình 2.7: Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020

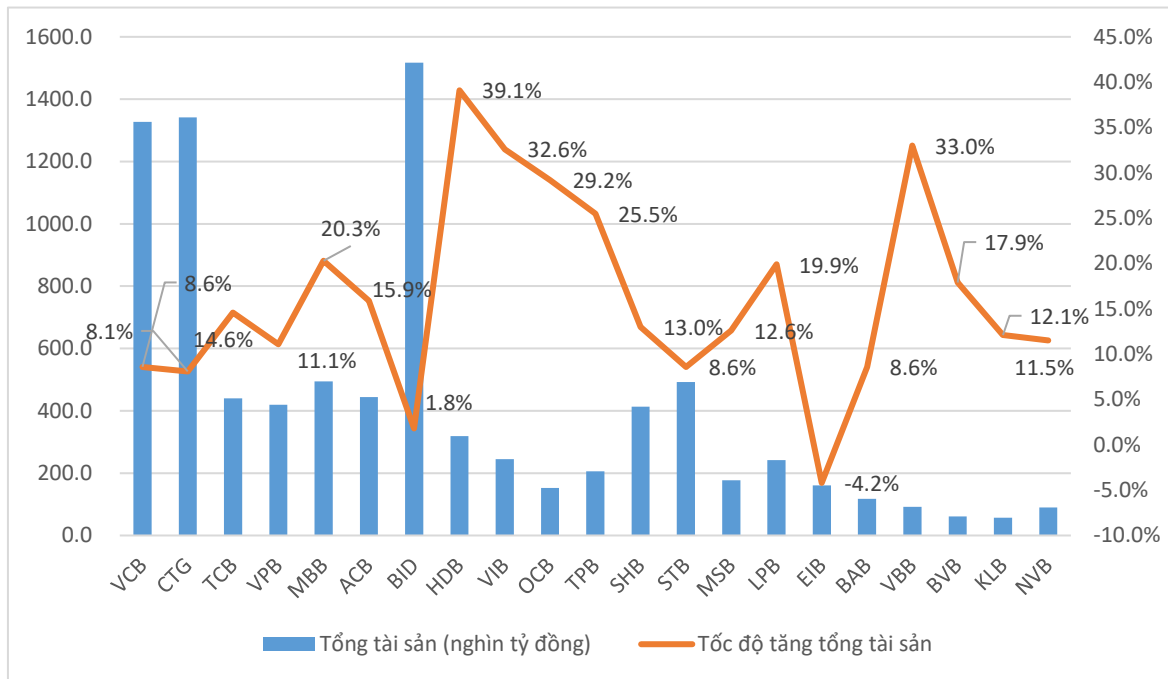


Nguồn: SSI (2020), tổng hợp của tác giả

2.2.2.2. Tổng tài sản của ngân hàng

Trong bối cảnh đại dịch diễn ra, những khó khăn của nền kinh tế, tổng tài sản của phần lớn các NHTM trong mẫu nghiên cứu vẫn đạt được những mức tăng trưởng ấn tượng. Ngoại trừ EIB có tổng tài sản sụt giảm do trong diện kiểm soát đặc biệt, những ngân hàng khác đều có mức tăng trưởng dương. Xét về quy mô tổng tài sản, 3 ngân hàng quốc doanh vẫn có tổng tài sản cao nhất trong 21 NHTM, tuy nhiên mức độ gia tăng tổng tài sản của 3 ngân hàng này ở mức thấp như BID chỉ tăng hơn 1%, hai ngân hàng còn lại chỉ tăng 8%. Nguyên nhân chủ yếu là do những khó khăn trong việc gia tăng vốn chủ sở hữu nên bị giới hạn tăng trưởng tín dụng ở mức thấp. Trong nhóm NHTM cổ phần tư nhân, HDB và VBB là hai ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng tổng tài sản với tốc độ tăng đạt lần lượt là 39% và 33%. Nguyên nhân tổng tài sản của các NHTM gia tăng chủ yếu là do quy mô dư nợ tín dụng và hoạt động đầu tư tăng lên. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng chú trọng đẩy mạnh cơ sở dịch vụ hạ tầng kỹ thuật nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là nhu cầu thanh toán trong bối cảnh dịch bệnh.

Hình 2.8: Quy mô tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của 21 NHTM Việt Nam năm 2020



Nguồn: SSI (2020), tổng hợp của tác giả

2.2.3. Các hoạt động dịch vụ khác

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, thực hiện giãn cách xã hội cũng như sự phát triển của công nghệ, các NHTM triển khai đa dạng các dịch vụ ngân hàng điện tử. Điều này đã làm cho thanh toán không dùng tiền mặt của hệ thống NHTM Việt Nam tăng trưởng ấn tượng. Theo Báo cáo của NHNN, đến cuối tháng 10 năm 2020, các số liệu liên quan đến thanh toán không dùng tiền mặt đều tăng cao, cụ thể:

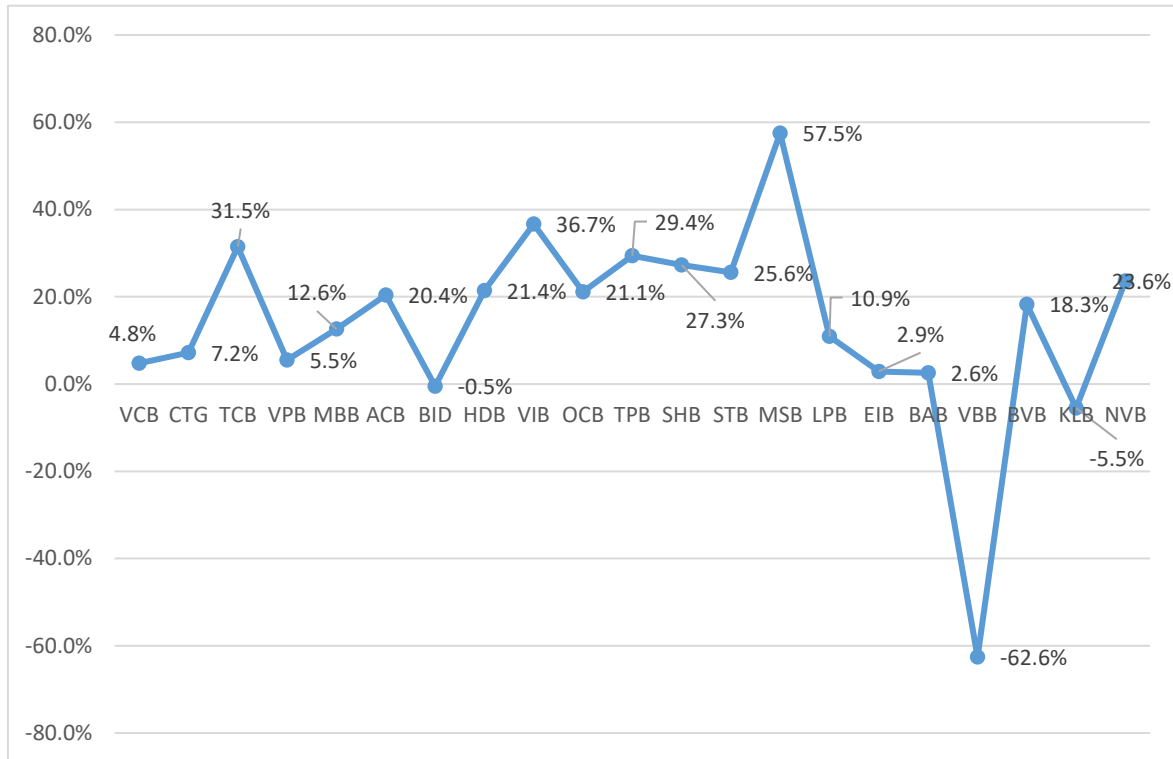
- Số lượng giao dịch thanh toán qua điện thoại di động đạt hơn 918,8 triệu giao dịch với giá trị đạt gần 9,6 triệu tỷ đồng, tăng 123,9% về số lượng và 125,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019;
- Số lượng giao dịch thanh toán qua Internet đạt gần 374 triệu giao dịch với giá trị đạt hơn 22,2 triệu tỷ đồng (tăng 8,3% về số lượng và 25,5% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019)

- Giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) tăng 83,67% về số lượng và 135,04% về giá trị
- Số lượng và giá trị thanh toán qua kênh Internet tăng 276,4% và 343%; số lượng và giá trị thanh toán qua kênh điện thoại di động tăng 1,037% và 972,5%.

Không chỉ phát triển dịch vụ thanh toán qua tài khoản, các NHTM đang đẩy mạnh các mô hình kinh doanh mới như bán bảo hiểm qua ngân hàng, dịch vụ quản lý tài sản...Điều này làm cho hoạt động dịch vụ không chỉ giúp các NHTM phân tán rủi ro, hạn chế phụ thuộc vào hoạt động tín dụng mà còn đang đóng góp nguồn thu ngày càng lớn cho các NHTM.

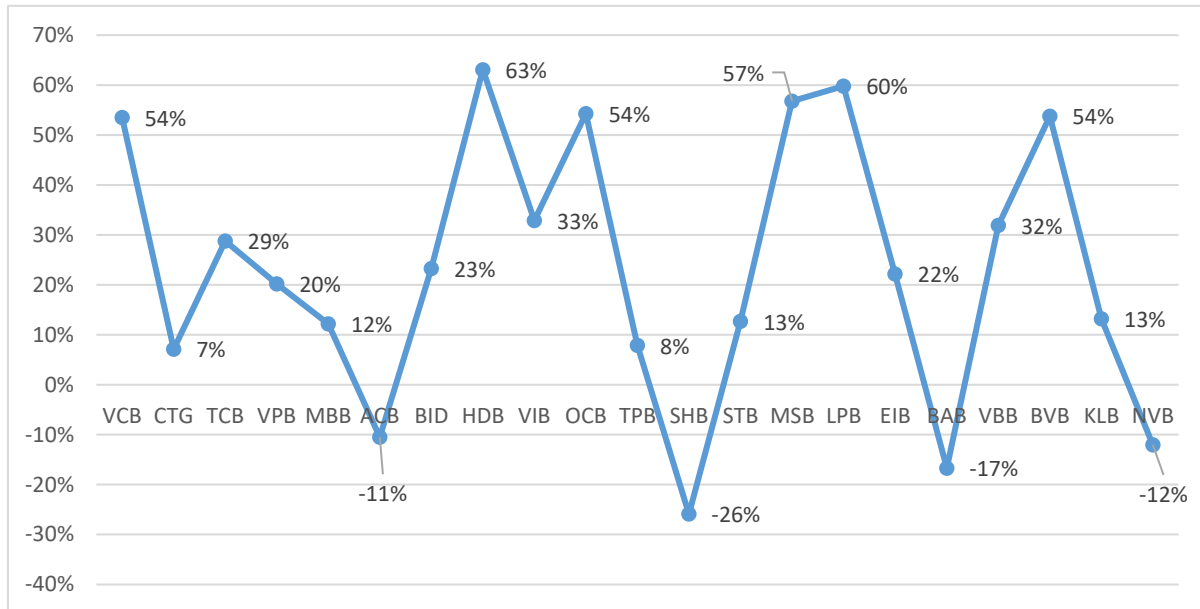
2.2.4. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động

Một trong những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của NHTM là thu nhập lãi thuần của NHTM. Tốc độ tăng trưởng thu nhập lãi thuần của các NHTM ở Việt Nam trong năm 2020 ở mức cao, thể hiện qua hình 2.7. Phần lớn các NHTM Việt Nam đều có mức tăng cao trong thu nhập lãi thuần. Trong đó, NHTM có mức tăng trưởng thu nhập lãi thuần cao nhất MSB (57,5%), OCB (36,7%). Ngược lại, thu nhập lãi thuần của VBB, KLB, BID không những tăng mà còn giảm so với năm 2019, với tốc độ giảm tương ứng lần lượt là -62%, -5,5%, và -0,5%.

Hình 2.9: Tốc độ tăng trưởng thu nhập lãi thuần của các NHTM Việt Nam năm 2020

Nguồn: SSI (2020), tổng hợp của tác giả

Các NHTM thực hiện đa dạng hóa nguồn thu từ dịch vụ thay vì phụ thuộc nhiều vào hoạt động tín dụng truyền thống nhằm phân tán rủi ro. Tuy nhiên, trong năm 2020, do chính sách của NHNN định hướng các NHTM xem xét miễn giảm phí cho các NHTM nên ảnh hưởng đến thu nhập của các NHTM. Theo báo cáo của NHNN (2020), ước tính tổng số tiền phí dịch vụ thanh toán mà các ngân hàng miễn, giảm cho khách hàng đến hết năm 2020 sau 2 đợt giảm phí là khoảng 1.004 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy sự đồng hành của ngành ngân hàng đối với các khách hàng trong tình hình dịch bệnh. Thu nhập từ cung cấp dịch vụ của các NHTM trong mẫu nghiên cứu được thể hiện qua hình 2.8.

Hình 2.10: Tốc độ tăng trưởng thu nhập dịch vụ của 21 NHTM Việt Nam năm 2020

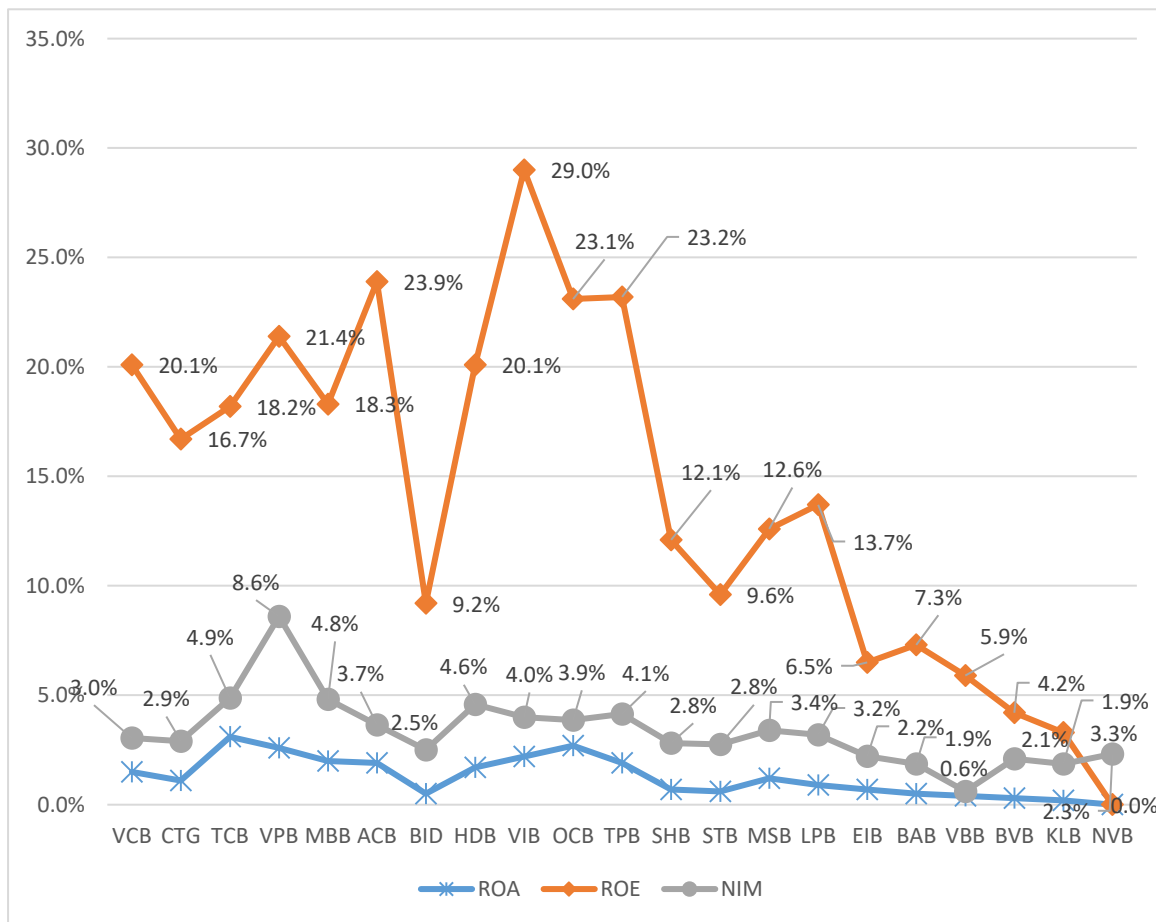
Nguồn: SSI (2020), tổng hợp của tác giả

Nhìn vào biểu đồ 2.8, có thể thấy sự phân hóa rõ ràng giữa các nhóm ngân hàng liên quan đến nguồn thu nhập từ dịch vụ của các NHTM Việt Nam. Những ngân hàng chú trọng triển khai đa dạng các dịch vụ ngân hàng có mức tăng trưởng thu nhập dịch vụ cao như ngân hàng HDB (63%), LPB (60%), MSB (57%) nhưng cũng có những ngân hàng giảm thu nhập dịch vụ so với năm 2019 như ngân hàng BAB (-17%), NVB (-12%), ACB (-11%). Như vậy, phần lớn thu nhập dịch vụ của đa số các NHTM niêm yết Việt Nam tăng lên trong năm 2020 và có sự phân hóa mạnh giữa các NHTM.

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời ROA, ROE và NIM của các NHTM Việt Nam được thể hiện trong hình 2.9. Kết quả phân tích hình 2.9 cho thấy các NHTM đều sinh lời khi chỉ số ROA, ROE và NIM của các NHTM đều lớn hơn 0. Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các NHTM đều lớn hơn 0. Trong đó, VPB đang có NIM cao nhất 8,6%, thấp nhất là ngân hàng VBB 0,6%. NIM của các ngân hàng gia tăng chủ yếu là do lãi suất huy động vốn ngày càng giảm, trong khi lãi suất cho vay giảm nhưng mức giảm không nhiều. Đồng thời, thay vì tập trung vào bán buôn, cho vay các doanh nghiệp lớn, các ngân hàng chuyển sang phân khúc khách hàng cá nhân, thường có lãi suất cao hơn so với cho vay doanh nghiệp. Nếu NIM không có sự khác biệt lớn giữa các NHTM thì ROE là chỉ tiêu

phản ánh khả năng sinh lời có mức độ phân hóa khá cao. VIB là ngân hàng có ROE cao nhất với giá trị tương ứng đạt 29%, trong khi đó ROE thấp nhất thuộc về ngân hàng NVB khi giá trị đạt được là 0.03%. Các NHTM có ROE thấp chủ yếu là do thu nhập từ hoạt động chưa cao, chi phí còn lớn nên lợi nhuận sinh lời còn chưa nhiều. Đây đều là những ngân hàng mà có mức tăng thu nhập lãi thuần và thu nhập dịch vụ ở mức thấp trong hệ thống như VBB, BVB, KLB và NVB.

Hình 2.11: Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của 21 NHTM niêm yết Việt Nam năm 2020



Nguồn: SSI (2020), tổng hợp của tác giả

2.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2019 - 2020

2.3.1. Kết quả đạt được

Trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, các NHTM Việt Nam phần lớn đều đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng, cụ thể:

- Quy mô nguồn vốn huy động gia tăng mặc dù lãi suất huy động thấp.
- Tỷ lệ CASA ngày càng tăng cao trong các ngân hàng, cho thấy việc huy động nguồn tiền gửi không kỳ hạn đang gia tăng, tạo điều kiện cho các NHTM triển khai đa dạng dịch vụ thanh toán cũng như có nguồn vốn giá rẻ để kinh doanh.
- Hoạt động tín dụng trong bối cảnh dịch bệnh vẫn tăng trưởng khá tốt. Điều này là nhờ NHNN điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, phù hợp với diễn biến của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng cũng như ngân hàng hoạt động. Nhiều ngân hàng được NHNN tăng giới hạn tốc độ tăng trưởng tín dụng. Thông qua chuyển đổi từ bán buôn sang bán lẻ, các NHTM duy trì đà tăng trưởng tín dụng hợp lý.
- Chất lượng tín dụng mặc dù tăng nhẹ nhưng vẫn được phần lớn các NHTM kiểm soát trong giới hạn cho phép. Điều này nhờ vào chỉ thị quan trọng từ Chính phủ và NHNN về việc không thực hiện chuyển nhóm nợ cho những khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Cũng như ngân hàng có những chính sách hỗ trợ khách hàng như miễn, giảm lãi...
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của phần lớn các NHTM ở mức cao, cho thấy khả năng phòng thủ của các NHTM nếu xảy ra rủi ro tín dụng tương đối tốt.
- Các hoạt động dịch vụ đang được các NHTM triển khai đa dạng, phong phú nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Trong đó, các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đang tăng trưởng nhanh chóng nhờ vào việc ứng dụng công nghệ hiện đại.
- Thu nhập lãi và thu nhập từ dịch vụ của phần lớn các NHTM đều tăng cao trong bối cảnh dịch bệnh.
- Các chỉ tiêu sinh lời của các NHTM đều dương cho thấy các ngân hàng hoạt động có hiệu quả trong bối cảnh dịch bệnh. Kết quả này cho thấy các NHTM thể hiện khả năng thích ứng với thay đổi của môi trường để đạt được kết quả kinh doanh khả quan.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kinh doanh của NHTM trong năm 2020 vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, hoạt động huy động vốn cần chú trọng nhiều đến nguồn vốn trung dài hạn để phục vụ cho hoạt động cấp tín dụng, đặc biệt là những nhu cầu vốn trung dài hạn của khách hàng trong nền kinh tế. Việc gia tăng nhanh chóng nguồn tiền gửi không kỳ hạn mặc dù tạo ra nguồn vốn giá rẻ cho ngân hàng hoạt động nhưng lại hạn chế ngân hàng gia tăng các khoản nợ trung dài hạn do bị giới hạn theo tỷ lệ an toàn mà NHNN quy định.

Thứ hai, thị trường mục tiêu của các NHTM chủ yếu là bán lẻ, tập trung vào khách hàng cá nhân dễ tạo ra rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Quy mô hoạt động tín dụng trong bối cảnh dịch bệnh vẫn được mở rộng với tốc độ tăng trưởng tín dụng ấn tượng là nhờ sự dịch chuyển của các NHTM từ bán buôn sang bán lẻ. Việc quá tập trung vào nhóm khách hàng cá nhân có thể tiềm ẩn rủi ro cao cho ngân hàng, đặc biệt là hỗ trợ vốn vay tiêu dùng.

Thứ ba, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM mặc dù được kiểm soát trong mức độ cho phép nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Đặc biệt có những ngân hàng ghi nhận tỷ lệ nợ xấu ở mức cao, vượt so với mức 3% theo quy định. Dịch bệnh ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng buộc khách hàng phải hỗ trợ khách hàng mặc dù không chuyển nhóm nợ theo quy định nhưng cũng cho thấy những rủi ro tiềm ẩn.

Thứ tư, có sự phân hóa rõ ràng các nhóm ngân hàng về việc cung cấp dịch vụ và tạo ra thu nhập từ dịch vụ. Nhiều NHTM nhỏ có tốc độ tăng trưởng thu nhập dịch vụ ở mức thấp, thậm chí giảm so với năm trước. Điều này cho thấy vẫn nhiều NHTM vẫn còn phụ thuộc vào hoạt động tín dụng tiềm ẩn nhiều rủi ro cao.

2.3.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế

Những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam đến từ nguyên nhân bên ngoài và nguyên nhân đến từ phía ngân hàng. Cụ thể:

Về môi trường hoạt động: Dịch bệnh xuất hiện và lan rộng ảnh hưởng đến tất cả các chủ thể trong nền kinh tế. Nền kinh tế tăng trưởng thấp cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống người dân cũng chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh, từ đó tác động đến nhu cầu của khách hàng. Nhiều chính sách quy định của NHNN và Chính phủ mang tính

hỗ trợ khách hàng trong bối cảnh dịch bệnh nhưng tạo ra rủi ro tiềm ẩn cho NHTM cũng như ảnh hưởng đến việc tạo ra thu nhập, lợi nhuận của NHTM như cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi....

Về phía khách hàng: Nhóm khách hàng cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhiều NHTM chú trọng trong bối cảnh dịch bệnh thay vì là doanh nghiệp lớn để phân tán rủi ro, đa dạng hóa khách hàng. Mặc dù vậy, nhóm khách hàng nhỏ lẻ vẫn có những rủi ro nội tại như thông tin bất cân xứng, hoạt động kinh doanh thiếu ổn định... có thể tạo ra những rủi ro tiềm ẩn cho ngân hàng.

Về phía ngân hàng: Những kết quả của năm 2020 cho thấy ngân hàng là ngành hoạt động hiệu quả trong bối cảnh dịch bệnh. Mặc dù vậy, NHTM cần chú trọng đến quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng bởi những yếu tố rủi ro còn tiềm ẩn của dịch bệnh, của chính sách pháp lý. Nhóm NHTM quy mô nhỏ cần quan tâm hơn đến việc xác định kế hoạch kinh doanh phù hợp với diễn biến của dịch bệnh, phân khúc thị trường. Trong đó, các NHTM thường chưa đủ tiềm lực hoặc chưa xem xét đến đa dạng dịch vụ, nguồn thu còn phụ thuộc nhiều vào hoạt động tín dụng. Điều này làm giảm hiệu quả hoạt động của NHTM trên thị trường.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Định hướng nhiệm vụ ngành ngân hàng năm 2021

Theo báo cáo của NHNN (2020), dựa trên mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ trong và ngoài nước, NHNN sẽ tiếp tục điều hành CSTT chủ động, linh hoạt phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát; duy trì ổn định vĩ mô, thị trường, hỗ trợ phục hồi nhanh kinh tế. Cụ thể, chính sách tiền tệ sẽ được điều hành theo hướng chủ động, linh hoạt phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT, đảm bảo thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, thông suốt. Đối với NHTM, NHNN sẽ chỉ đạo tiếp tục triệt để tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay, đơn giản hóa quy trình thủ tục, tạo điều kiện cho khách hàng vay mới phục hồi sản xuất - kinh doanh nhưng không hạ chuẩn cho vay, đảm bảo chất lượng, an toàn tín dụng, duy trì hoạt động lành mạnh của hệ thống ngân hàng. Hoạt động tín dụng của các NHTM được tiếp tục mở rộng hiệu quả, tập trung vốn cho vay các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý và xây dựng, triển khai Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn tới, trong đó tập trung vào hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ TTKDTM; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 trong hoạt động thanh toán. NHNN cũng chú trọng phát triển tài chính toàn diện, khuyến khích các NHTM triển khai các mô hình thanh toán tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với việc xây dựng và triển khai Chiến lược Tài chính toàn diện quốc gia.

Theo định hướng phát triển của các NHTM, các NHTM phần lớn chú trọng phát triển tài chính số, ngân hàng số, Fintech, tiền kỹ thuật số mạnh mẽ hơn trong năm 2021. Ngoài ra, các NHTM phát triển đa dạng các dịch vụ, đặc biệt là những dịch vụ hợp tác kết nối, gia tăng liên kết giữa ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và các tổ chức khác mà trong đó ngân hàng làm trung tâm. Kế hoạch hoạt động vào năm 2020 của các NHTM kỳ vọng vào

năm 2021, sau khi dịch bệnh được kiểm soát sẽ tạo nền tảng để phát triển nhanh, mạnh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

3.2. Một số kiến nghị để phát triển hoạt động kinh doanh của các NHTM năm 2021

3.2.1. Một số kiến nghị đối với các ngân hàng thương mại

Việc xây dựng nhiều kế hoạch cụ thể trong bối cảnh kinh doanh nhiều biến động là điều cần thiết trong hoạt động của các NHTM Việt Nam trong thời gian tới. Không chỉ bởi do yếu tố dịch bệnh mà những thay đổi môi trường kinh doanh bên ngoài có thể có những tác động đến chiến lược dài hạn và kế hoạch kinh doanh trong ngắn hạn của ngân hàng. Điều này đã được minh chứng cụ thể trong năm 2020. Các NHTM đều đã xây dựng nhiều kịch bản kinh doanh khác nhau trong năm 2020 để thích ứng với sự thay đổi của thị trường trong bối cảnh dịch bệnh. Một số ngân hàng đẩy mạnh công nghệ, gia tăng cung ứng dịch vụ để tăng các khoản thu nhập từ dịch vụ. Đây là những thay đổi được xem là phù hợp, mang lại nguồn thu lớn cho các NHTM trong bối cảnh hoạt động tín dụng gặp khó khăn cũng như tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, việc chủ động xem xét nhiều kịch bản, tình huống ứng phó khác nhau với sự thay đổi của môi trường kinh doanh cần được ngân hàng chú trọng trong môi trường kinh doanh bất ổn.

Ngân hàng cần quan tâm tăng quy mô nguồn vốn có kỳ hạn để đáp ứng nhu cầu vốn trung dài hạn của các chủ thể khi nền kinh tế phục hồi sau năm 2020. Mặc dù quy mô, tỷ lệ CASA tăng đã mang lại nguồn vốn lớn giá rẻ cho các NHTM hoạt động trong năm 2020, góp phần làm gia tăng lợi nhuận nhờ hưởng chênh lệch lớn giữa lãi suất huy động và lãi suất đầu ra nhưng nếu không quan tâm thu hút nguồn vốn trung hạn sẽ ảnh hưởng đến việc triển khai cấp tín dụng trung dài hạn cho các chủ thể trong nền kinh tế. Do đó, ngân hàng cũng cần chú trọng đến việc huy động các nguồn vốn có kỳ hạn, đặc biệt là nguồn vốn trung hạn bởi nhu cầu vốn mở rộng sản xuất kinh doanh trung dài hạn có thể gia tăng khi dịch bệnh được kiểm soát. Với quy định tỷ lệ nguồn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm dần việc chuẩn bị nguồn vốn trung dài hạn để đáp ứng nhu cầu của thị trường là điều cần quan tâm. Trong bối cảnh áp dụng Basel II, các NHTM cần tích cực tăng vốn tự có nhằm tăng khả năng chống đỡ rủi ro. Điều này cần đặc biệt được quan tâm khi dịch bệnh đã và đang tạo ra những rủi ro tiềm tàng cho các khoản vay năm 2020. Bên cạnh vốn chủ sở hữu,

các NHTM cần linh hoạt trong việc phát hành giấy tờ có giá với nhiều kỳ hạn khác nhau, mức lãi suất hấp dẫn để có thể thu hút nguồn vốn nhàn rỗi của khách hàng trong thời gian dài.

Các NHTM cần chú trọng đến công tác quản trị rủi ro. Các yếu tố bất thường từ môi trường vĩ mô như dịch bệnh, căng thẳng địa chính trị hoặc biến đổi khí hậu đang tác động đến nhiều ngành nghề, lĩnh vực và ngành ngân hàng. Bên cạnh đó, việc chú trọng phát triển công nghệ cũng cần phải đi kèm với vấn đề an ninh, bảo mật an toàn thông tin trong quá trình vận hành. Điều này giúp các ngân hàng đánh giá và kiểm soát được rủi ro trong mức độ cho phép. Vì vậy, các NHTM nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tuân thủ các quy định của NHNN, cũng như thông lệ quốc tế để gia tăng khả năng chống đỡ, ứng phó với rủi ro của NHTM.

Các NHTM cần quan tâm và phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ, tái định vị lại mạng lưới kênh phân phối theo hướng đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trên thị trường. Tùy từng tiềm lực kinh tế, việc đầu tư vào công nghệ, hạ tầng thiết bị kỹ thuật là khác nhau nhưng năm 2020 đã chứng minh rằng những ngân hàng nhanh chóng cập nhật công nghệ, triển khai đa dạng dịch vụ ngân hàng điện tử đang tăng trưởng cao về nguồn vốn huy động cũng như thu nhập từ dịch vụ. Nhóm NHTM nhỏ cần xem xét sử dụng nguồn lợi nhuận tích lũy để phát triển công nghệ. Đặc biệt trong quá trình tăng vốn tự có, cần chú trọng phân bổ nguồn vốn sử dụng cho việc đầu tư trang thiết bị hạ tầng công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh. Mặc dù nguồn vốn đầu tư ban đầu thường cao nhưng những lợi ích mà ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng đã được chứng thực qua kết quả kinh doanh năm 2020 của những ngân hàng nhanh chóng chuyển đổi công nghệ số.

3.2.2. Đối với cơ quan quản lý

Chính sách điều hành kinh tế cần xây dựng linh hoạt theo diễn biến thị trường nhưng lấy phát triển bền vững làm yếu tố then chốt. Sự ổn định về thể chế, khả năng kiểm soát dịch bệnh và chính sách điều hành kinh tế vĩ mô linh hoạt theo diễn biến ứng phó dịch bệnh đã biến Việt Nam thành điểm sáng kinh tế trên thế giới cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTM hoạt động. Trong thời gian tới, Chính phủ và NHNN cần xây dựng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ để góp phần thúc đẩy kinh tế, ổn định lạm phát, giảm tỷ lệ

thất nghiệp. Các chính sách ban hành cần xem xét khả năng tác động đến nền kinh tế cũng như hỗ trợ các thành phần trong nền kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh. NHNN và các bộ ban ngành cần phối hợp chặt chẽ với nhau để xây dựng khung pháp lý chặt chẽ nhằm giảm rủi ro hệ thống, nâng cao năng lực quản lý.

NHNN với vai trò là cơ quan quản lý chính sách tiền tệ cũng như hệ thống tổ chức tín dụng cần đẩy nhanh hoàn thiện khung pháp lý theo hướng tiếp cận thông lệ quốc tế và sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số. Những sửa đổi luật như về việc cho phép NHTM chủ động xử lý tài sản bảo đảm, luật bảo hiểm tiền gửi cũng như ban hành các văn bản chỉ thị hướng dẫn hoạt động ngân hàng trong năm 2020 đã góp phần tạo ra cơ sở pháp lý cho các NHTM hoạt động hiệu quả và vẫn đảm bảo an toàn trong mức độ cho phép. Trong thời gian tới, để các NHTM chú trọng hơn đến quản trị rủi ro cũng như ứng dụng công nghệ trong hoạt động, NHNN cùng các bộ ban ngành có liên quan cần xây dựng và ban hành các quy định luật đến ứng dụng công nghệ số như ngân hàng số, tiền điện tử, hạn mức đền bù của bảo hiểm tiền gửi... Ngoài ra, bản thân NHNN cũng cần tiếp tục hoàn thiện hạ tầng tài chính như hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống thanh toán... nhằm nâng cao năng lực quản trị hệ thống cũng như hỗ trợ các NHTM trong quá trình chuyển đổi số. Bên cạnh đó, quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng đã vào những năm cuối cùng, NHNN cần có những biện pháp hữu hiệu để tái cơ cấu các NHTM còn hoạt động yếu kém, gỡ bỏ các vướng mắc pháp lý để quá trình nâng vốn tự có hay tìm kiếm các nhà đối tác chiến lược của các NHTM Việt Nam. Xem xét các chính sách ban hành mới khi những chính sách đã ban hành trong bối cảnh dịch bệnh hết hiệu lực để có những thay đổi phù hợp, tránh tạo ra “cú sốc” cho các NHTM hoạt động. Đặc biệt là những quy định liên quan đến giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng cho những khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cần Văn Lực và Nhóm tác giả Viên Đào tạo và Nghiên cứu BIDV (2021). *Những điểm sáng của ngành Ngân hàng Việt Nam năm 2020 và triển vọng năm 2021*. Tạp chí ngân hàng số 3+4/2021. Truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2021 từ <http://tapchinganhang.gov.vn/nhung-diem-sang-cua-nganh-ngan-hang-viet-nam-nam-2020-va-trien-vong-nam-2021.htm>.

Doski, D., Marane, B., & Asaad, Z. (2013). Analyzing Growth Strategies of Banking Sectors: A Case Study on Kurdistan International Bank. *Research Journal of Finance and Accounting*, 4(18).

Hạc Hiên (2020). *Kế hoạch của các ngân hàng trước mùa đại hội đồng cổ đông 2020 và...COVID-19*. Truy cập ngày 20 tháng 12 năm 2020 từ <https://laodong.vn/kinh-te/ke-hoach-cua-cac-ngan-hang-truoc-mua-dai-hoi-dong-co-dong-2020-va-COVID-19-812701.ldo>.

Khan, M. R., Hossain, S. K., & Rabbi, M. M. I. (2018). The Strategic Environment Analysis of Islami Bank Bangladesh Limited (IBBL). *IIUM Journal of Case Studies in Management*, 9(1), 28-41.

Nghiêm Xuân Thành (2020). *Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến ngành Ngân hàng và mục tiêu ngân hàng số của Vietcombank*. Tạp chí ngân hàng số 3/2020. Truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2020 từ <http://tapchinganhang.com.vn/tac-dong-cua-cach-mang-cong-nghiep-4-0-den-nganh-ngan-hang-va-muc-tieu-ngan-hang-so-cua-vietcombank.htm>.

Nguyễn Thị Thu Hà (2020). *Hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng Việt Nam sau đại dịch COVID-19*. Tạp chí Tài chính Kỳ 2 – Tháng 5/2020. Truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2020 từ <https://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/hoat-dong-kinh-doanh-cua-he-thong-ngan-hang-viet-nam-sau-dai-dich-COVID19-329067.html>.

Phạm Thị Tường Vân (2020). *Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch COVID-19*. Tạp chí Tài chính Kỳ 1 – Tháng 12/2020. Truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2021 từ <https://tapchitaichinh.vn/co-che-chinh-sach/chinh-sach-tai-chinh-ho-tro-doanh-nghiep-ung-pho-voi-dai-dich-COVID19-331390.html>.

Tổng Cục thống kê (2020). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020. Truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2021 từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/baocao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>.

Tổng Cục thống kê (2020). Thống cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2020. Truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2021 từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2020/>.

Trương Văn Phước (2017). *Vai trò của hệ thống tài chính Việt Nam đối với tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 9 năm 2017. Truy cập ngày 05 tháng 10 năm 2020 từ <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/vai-tro-cua-he-thong-tai-chinh-viet-nam-doi-voi-tang-truong-kinh-te-giai-doan-2016-2020-n50164.html>.

Trường Đại học Kinh tế quốc dân (NEU) và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) (2020). *Đánh giá các chính sách ứng phó với COVID-19 và các khuyến nghị*. Truy cập ngày 10 tháng 02 năm 2021 từ https://www.jica.go.jp/vietnam/vietnamese/office/topics/c8h0vm00009crmm6-att/210305_01_vn.pdf.

Worldbank (2020). *Tổng quan về Việt Nam*. Truy cập ngày 12 tháng 10 năm 2020 từ <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/overview#1>.

Worldbank (2021). *Kiến tạo thị trường tại Việt Nam: Tăng cường vai trò của khu vực tư nhân trong và sau đại dịch COVID-19: Cứu trợ, tái cấu trúc và phục hồi bền vững*. Truy cập ngày 10 tháng 10 năm 2021 từ <https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/66714e46-a671-4240-b779-4d87deae7158/CPSD-Vietnam-Executive-Summary-VI.pdf?MOD=AJPERES&CVID=nM391Ax>.



THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM NĂM 2020

NGHIÊN CỨU THƯỜNG NIÊN

CHỦ BIÊN
GS. TS. Nguyễn Đông Phong
GS. TS. Võ Xuân Vinh